|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ........2016/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

**DỰ THẢO LẦN 1**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô.*

 **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải bằng xe ô tô**

1. Sửa đổi khoản 9 Điều 4 như sau:

 “9. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm quy định về kích thước thùng xe ô tô, về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ theo quy định của pháp luật”.

 2. Sửa đổi khoản 7, khoản 9 Điều 5 như sau :

 “7. Chỉ đạo, giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác tập huấn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với hoạt động vận tải cho người điều hành vận tải, lái xe kinh doanh vận tải, nhân viên phục vụ trên xe và công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của lái xe do các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương hoặc Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam hoặc Hiệp hội vận tải ô tô địa phương tổ chức theo quy định”

 “9. Thanh tra, kiểm tra, xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về kích thước thùng xe ô tô, về kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ đối với đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn. Yêu cầu đơn vị kinh doanh vận tải thuộc địa phương quản lý tiến hành xử lý các hành vi vi phạm của lái xe”.

 3. Bổ sung khoản 11, khoản 12 Điều 5 như sau:

 “11. Tổ chức thực hiện lựa chọn đơn vị kinh thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô và báo cáo kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy định”.

“12. Căn cứ quy hoạch chi tiết tuyến vận tải hành khách cố định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sở Giao thông vận tải xây dựng biểu đồ khai thác thác tuyến và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở”.

 4. Bố sung khoản 16, 17 Điều 6 như sau:

 “16. Thực hiện đầy đủ các cam kết khi tham gia quy trình lựa chọn khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô theo quy định”.

 “17. Thực hiện đầy đủ việc kê khai giá cước vận tải bằng ô tô theo quy định”.

 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau :

 “1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17 Điều 6 của Thông tư này”.

 6. Sửa đổi khoản 4 Điều 9 như sau:

“4. Thực hiện trách nhiệm của người vận tải về kích thước thùng xe, về xếp hàng hóa lên xe ô tô theo quy định. Phổ biến cho lái xe việc chấp hành quy định của pháp luật về tải trọng và khổ giới hạn cho phép của phương tiện trong suốt quá trình tham gia giao thông”.

7. Sửa đổi Khoản 1 Điều 21 như sau :

“1. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ khi bị phát hiện vi phạm thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Thông tư này.

8. Sửa đổi Điều 22 như sau:

**“Điều 22. Xử lý vi phạm đối với đơn vị kinh doanh vận tải**

1. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định khi vi phạm lần đầu một trong các trường hợp dưới đây thì bị nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục; trường hợp không khắc phục theo đúng yêu cầu hoặc vi phạm từ lần thứ hai trở lên trong thời hạn 01 năm kể từ khi vi phạm lần đầu thì bị thu hồi phù hiệu 01 tháng đối với tất cả các phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định:

a) Vi phạm quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 6 của Thông tư này;

b) Vi phạm quy định tại một trong các điểm của khoản 8, khoản 9, khoản 11 (trừ điểm b) và khoản 14 Điều 6 của Thông tư này;

c) Tổ chức đặt chỗ, bán vé dưới mọi hình thức trong hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;

d) Thực hiện dưới 70% số chuyến xe theo biểu đồ chạy xe trên tuyến đã được phê duyệt trong 01 tháng.

đ) Không thực hiện việc kê khai giá cước vận tải theo quy định.

2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định khi vi phạm lần đầu một trong các trường hợp dưới đây thì bị nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục; trường hợp không khắc phục theo đúng yêu cầu hoặc vi phạm từ lần thứ hai trở lên trong thời hạn 01 năm kể từ khi vi phạm lần đầu thì bị thu hồi phù hiệu 03 tháng toàn bộ phù hiệu đối với tất cả phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định :

a) Không cung cấp hoặc cung cấp sai lệch thông tin bắt buộc theo quy định từ thiết bị giám sát hành trình của phương tiện hoạt động trên tuyến; không cung cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào cơ sở dữ liệu thiết bị giám sát hành trình theo quy định;

b) Có từ 10% số lượng phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép từ 10% đến 50%.

3. Xe ô tô kinh doanh vận tải, xe trung chuyển khi vi phạm lần đầu một trong các trường hợp dưới đây thì bị nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục; trường hợp không khắc phục theo đúng yêu cầu hoặc vi phạm từ lần thứ hai trở lên trong thời hạn 01 năm kể từ khi vi phạm lần đầu thì bị thu hồi phù hiệu 06 tháng toàn bộ phù hiệu đối với tất cả phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải :

a) Vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 6 của Thông tư số 10/2015/TT-BGTVT khi sử dụng phù hiệu, biển hiệu không đúng quy định hoặc cố ý làm sai lệch các thông tin đã được ghi trên phù hiệu, biển hiệu đã cấp cho xe;

b) Không chấp hành hướng dẫn, xử lý vi phạm của người thi hành công vụ.

c) Có xevi phạm kích thước thùng hàng lần thứ hai trở đi.

4. Xe ô tô kinh doanh vận tải vi phạm lần đầu một trong các trường hợp dưới đây thì bị nhắc nhở, chấn chỉnh, yêu cầu khắc phục; trường hợp không khắc phục theo đúng yêu cầu hoặc vi phạm từ lần thứ hai trở lên trong thời hạn 01 năm kể từ khi vi phạm lần đầu thì bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu 01 tháng đối với các phương tiện vi phạm như sau:

a) Xe taxi, xe buýt, xe ô tô vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch, xe ô tô vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ vi phạm quy định tại khoản 11 Điều 6 của Thông tư này hoặc không cung cấp hoặc cung cấp sai lệch thông tin bắt buộc từ thiết bị giám sát hành trình của xe cho cơ quan quản lý có thẩm quyền;

b) Xe ô tô vận tải hành khách trên tuyến cố định, tham gia hoạt động vận tải nhưng vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 6 của Thông tư này;

c) Xe ô tô vận tải vi phạm quy định về niêm yết các thông tin có liên quan theo quy định (không niêm yết hoặc niêm yết thiếu hoặc niêm yết không chính xác theo quy định);

d) Xe ô tô kinh doanh vận tải theo tuyến cố định không thực hiện đúng quy định tại khoản 12 Điều 6; xe trung chuyển hành khách tham gia hoạt động kinh doanh vận tải thu tiền trực tiếp; xe vận tải nội bộ sử dụng với mục đích kinh doanh vận tải;

đ) Khi trích xuất dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình của mỗi phương tiện vận tải hành khách trên tuyến cố định, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ trong 01 tháng cho thấy có: từ 5% lượt xe trở lên trên tổng số lượt xe của phương tiện đó hoạt động người lái xe vi phạm hành trình hoặc có 05 lần trở lên vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy (không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống) hoặc có từ 10% trở lên số ngày xe hoạt động, người lái xe vi phạm quy định về thời gian lái xe liên tục và thời gian làm việc của lái xe trong ngày;

5. Thu hồi ngay phù hiệu, biển hiệu 01 tháng của phương tiện vi phạm đối với một trong các trường hợp sau:

a) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư này hoặc hoạt động không có hợp đồng vận chuyển hoặc hợp đồng lữ hành, danh sách hành khách theo quy định hoặc ký hợp đồng vận chuyển hành khách không đúng quy định; bán vé hoặc xác nhận đặt chỗ cho hành khách đi xe dưới mọi hình thức hoặc đón thêm hành khách ngoài danh sách; xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa hoạt động không có hợp đồng vận tải, Giấy vận tải theo quy định; xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, xe vận chuyển khách du lịch, xe buýt, kinh doanh vận tải hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe trung chuyển của đơn vị kinh doanh vận tải chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép từ 10 - 50%;

b) Xe ô tô vận tải hàng hóa, xe ô tô vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ vi phạm một trong các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 9 của Thông tư này (trừ trường hợp cố ý làm sai lệch các thông tin đã được ghi trên phù hiệu, biển hiệu đã cấp cho xe hoặc trừ trường hợp vi phạm khoản 1, 11, 13, 14 và khoản 15 Điều 6);

c) Xe taxi vi phạm quy định tại Điều 7 của Thông tư này hoặc không có hộp đèn trên nóc xe hoặc có nhưng không hoạt động theo quy định hoặc có gian lận trong việc tính tiền trên đồng hồ tính tiền; có gian lận trong việc in hóa đơn tính tiền (trừ trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 11, 13, 14 và khoản 15 Điều 6);

d) Xe vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch vi phạm quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều 8 (trừ trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, 11, 13, 14 và khoản 15 Điều 6);

đ) Xe ô tô vận tải hành khách trên tuyến cố định, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách theo hợp đồng, xe ô tô vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ trong 01 tháng liên tục có từ 03 lần bị xử lý vi phạm hành chính do chở hành khách, hành lý, hàng hóa vượt quá trọng tải cho phép theo quy định hoặc do xếp hàng trên xe không theo quy định;

e) Chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép từ trên 50%;

g) Trong thời gian phương tiện bị thu hồi phù hiệu, biển hiệu do vi phạm, sau 07 ngày, kể từ ngày ký Quyết định thu hồi, đơn vị phải có trách nhiệm nộp lại phù hiệu, biển hiệu về Sở Giao thông vận tải. Trường hợp không nộp hoặc kéo dài thời gian nộp phù hiệu, biển hiệu theo quy định, Sở Giao thông vận tải không cấp lại phù hiệu, biển hiệu cho phương tiện bị thu hồi trong thời hạn 06 tháng.

6. Thu hồi ngay phù hiệu, biển hiệu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với toàn bộ các phương tiện của đơn vị kinh doanh vận tải khi đơn vị để xảy ra các vi phạm sau:

a) Có 10% số lượng phương tiện vi phạm chở quá số người hoặc quá tải trọng cho phép trên 100% trong 01 tháng.

b) Thực hiện không đúng quy định tại một trong các khoản 10, 13, 14 Điều 6.

c) Có từ 10% phương tiện đưa vào khai thác khi chưa được cấp phù hiệu, biển hiệu.”

9. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 27 như sau:

“a. Đơn vị bị đình chỉ khai thác tuyến và thu hồi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định”

10.Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 28 như sau:

“b.Thu hồi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định, thu hồi phù hiệu, biển hiệu do mình cấp”

 **Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016.

 2. Chánh văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 30;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Các Thứ trưởng;- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);- Công báo;- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT; - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;- Lưu: VT, VTải (Tr10b). | **BỘ TRƯỞNG****Đinh La Thăng** |